

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 14
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	15
Báo cáo kiểm toán độc lập	16 - 17
Báo cáo thu nhập	18
Báo cáo tình hình tài chính	19 - 20
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	21
Báo cáo danh mục đầu tư	22 - 23
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	24 - 25
Thuyết minh báo cáo tài chính	26 - 65

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 VNĐ, chiếm 120,85% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 114.806.724.900 VNĐ, tương đương với 11.480.672,49 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ" hoặc "VCBF").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 5 năm 2024. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 11 tháng 7 năm 2024 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017
Bà Vũ Ngọc Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2023

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng chiến lược VCBF

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Công ty Quản lý Quỹ	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Ông Vũ Quang Đông	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Công ty Quản lý Quỹ	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

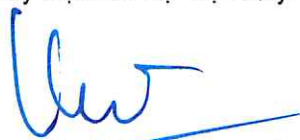
Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Mạc Quang Huy
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 20,24% và 7,19% so với ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

<i>Loại hình đầu tư</i>	<i>Mức độ rủi ro</i>	<i>Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)</i>
Cổ phiếu	Trung bình đến cao	50,00%
Tài sản có thu nhập cố định (kể cả tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát)	Thấp đến trung bình	50,00%

Việc phân bổ tài sản có thể tăng/giảm 25,00% so với tỷ trọng trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản. Thông thường tỷ lệ phân bổ vào tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp với chiến lược đầu tư thận trọng. Tỷ lệ phân bổ vào cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi cho chiến lược đầu tư nhắm vào tăng trưởng vốn.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) có giá trị vốn hóa thị trường lớn và vừa. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn và vừa là những cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn hơn hoặc bằng vốn hóa thị trường của cổ phiếu có vốn hóa nhỏ nhất trong rổ chỉ số VN100 của HSX.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 381.218.797.821 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 11.480.672,49 chứng chỉ quỹ.

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ

Lợi nhuận tham chiếu là tỷ suất lợi nhuận được xác định bằng trung bình giản đơn của tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex và lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam, tức bằng 50% (năm mươi phần trăm) nhân với tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex cộng với 50% (năm mươi phần trăm) nhân với lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam. Dữ liệu về lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam được lấy từ Reuters hoặc Bloomberg tại ngày đầu tiên của mỗi năm.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận khả năng có đủ lợi nhuận để phân phối.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Phân bổ tài sản quỹ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (%)
Phân bổ tài sản quỹ			
Danh mục chứng khoán	83,53	96,28	96,07
Tài sản khác	16,47	3,72	3,93
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	381.218.797.821	221.145.924.718	212.659.619.655
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	11.480.672,49	8.008.161,29	9.005.105,61
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	33.205,26	27.615,06	23.615,44
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm	33.244,41	28.698,29	28.297,48
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm	27.615,68	23.604,47	21.785,75
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị quỹ (b)	20,24	16,94	-11,98
9.1	Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá trong năm) (b)	18,20	14,31	-13,96
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện trong năm) (b)	2,04	2,63	1,98
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	-	-	-
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	-	-	-
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	-	-	-
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	1,96	2,12	1,97
14	Tốc độ vòng quay danh mục trong năm (%)	19,83	11,87	24,29

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phần phân tách tăng trưởng / 1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập / 1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn / 1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

(c) Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

<i>Giai đoạn</i>	<i>Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)</i>	<i>Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)</i>
1 năm (từ 1/1/2024 đến 31/12/2024)	20,24	7,19
3 năm (từ 1/1/2022 đến 31/12/2024)	23,76	-1,56
3 năm (bình quân năm)	7,36	-0,52
Từ khi thành lập	232,09	117,51
Từ khi thành lập (bình quân năm)	11,50	7,30

4. Tăng trưởng hàng năm

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2024 (%)</i>	<i>Năm 2023 (%)</i>	<i>Năm 2022 (%)</i>
Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ/1 đơn vị quỹ	20,24	16,94	-11,98

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

1. Kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng GDP đạt mức tăng trưởng 7,1% cho cả năm 2024, tương đương với mức tăng trưởng của những năm 2018 và 2019 trước dịch Covid:

- ▶ Khu vực Công nghiệp và Xây dựng (chiếm 37,6% GDP) tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2023 (tăng 3,7%), nhờ sự tăng trưởng của ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo, tăng 9,8% trong năm 2024 cao hơn so với mức tăng 6,0% của ba năm liền trước, và sự hỗ trợ của ngành Xây dựng, tăng 7,9% (2023: 7,1%), trong khi ngành Khai khoáng tiếp tục suy yếu xuống mức -7,2% từ mức -3,2% của năm ngoái do sản lượng khai thác dầu thô và khí tự nhiên giảm.
- ▶ Khu vực Dịch vụ (42,4% GDP) vẫn tiếp tục đà phục hồi, tăng 7,4% so với cùng kỳ trong năm 2024, đóng góp 49,5% vào tổng mức tăng trưởng GDP.
- ▶ Khu vực Nông, lâm ngư nghiệp (11,9% GDP) tăng 3,3% so với cùng kỳ và đóng góp 5,4% vào tổng mức tăng trưởng GDP.
- ▶ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng trưởng 9,0% so với cùng kỳ năm trước tính theo giá hiện hành và tăng 5,9% tính theo giá trị thực, đều giảm so với mức tăng trưởng lần lượt là 9,4% và 6,8% trong năm 2023.
- ▶ Chỉ số PMI giảm trở lại dưới mức 50 điểm, đạt 49,8 điểm trong tháng 12. Sau khi phục hồi từ mức 47,3 điểm do ảnh hưởng của bão Yagi vào tháng 9, lượng đơn đặt hàng mới và đơn đặt hàng xuất khẩu đã chậm lại trong tháng 12.
- ▶ Xuất khẩu ghi nhận số lượng đơn đặt hàng cao hơn, tăng 14,3% so với cùng kỳ trong 2024, hầu hết các nhóm hàng đều tăng trưởng tốt, dẫn đầu là thiết bị điện tử (tăng 26,6% so với cùng kỳ) và máy móc (tăng 21,0% so với cùng kỳ).
- ▶ Lạm phát ở mức 3,6% và duy trì dưới ngưỡng 4,0% được Chính phủ đề ra từ đầu năm.

VNĐ giảm so với USD trong quý 4 và đảo ngược sự tăng giá của VNĐ trong quý 3 khiến VNĐ giảm 5,0% so với USD cho cả năm 2024. Tuy nhiên, cán cân vắn tốt đã giúp NHNN giảm thiểu tác động của việc đồng USD mạnh lên nhiều trong quý cuối năm, thể hiện bằng chỉ số DXY, chỉ số đo lường sức mạnh đồng USD theo trọng số thương mại, tăng 7,1% so với cuối năm 2023.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

2. Thị trường trái phiếu

Tính đến cuối năm 2024, Kho bạc Nhà Nước đã gọi thầu thành công 330,4 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 82,6% kế hoạch phát hành năm. Thanh khoản hệ thống ngân hàng suy giảm trong quý cuối năm cùng với lo ngại gia tăng về việc mất giá tiền đồng theo đó đẩy lợi tức Trái phiếu Chính phủ trên thị trường sơ cấp lên cao đã dẫn đến sự sụt giảm khối lượng dự thầu. Khối lượng Dự thầu quý 4 chỉ đạt 110,9 nghìn tỷ đồng, bằng 57% khối lượng dự thầu bình quân theo quý trong 9 tháng đầu năm. Tại thời điểm cuối năm 2024, trái phiếu 5 năm giao dịch quanh mức 2,3%, 76 điểm phần trăm cao hơn mức cuối tháng 12 năm 2023. Kỳ hạn 10-15 năm giao dịch quanh mức 3,0%-3,15%, tương ứng với mức tăng 70 điểm phần trăm so với cuối quý 4 2023. Lợi tức trái phiếu kỳ hạn siêu dài 20-30 năm tăng trong biên độ hẹp hơn, khoảng 30 điểm trong năm 2024.

Đối với hoạt động phát hành riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp, khối lượng phát hành đạt 453 nghìn tỷ đồng trong cả năm 2024, gấp hơn 3 lần so với khối lượng phát hành trong 6 tháng 2024. Ngân hàng tiếp tục là tổ chức phát hành lớn nhất, chiếm 66% tổng khối lượng phát hành. Trên thị trường phát hành ra công chúng, các tổ chức phát hành phát hành thành công 35,8 nghìn tỷ đồng. Lãi suất huy động của các ngân hàng thương mại có xu hướng tăng, cùng với sự tăng mạnh của lãi suất liên ngân hàng trong nửa cuối năm khiến lãi suất coupon của trái phiếu ngân hàng kỳ hạn ngắn tăng lên trong những tháng cuối năm, tuy nhiên lãi suất coupon của trái phiếu tăng vốn cấp hai kỳ hạn dài của ngân hàng vẫn tương đối ổn định. So với cuối năm 2023, lãi suất coupon năm đầu trái phiếu ngân hàng 2-3 năm tăng khoảng 50 điểm phần trăm lên 5,3%-5,8%, trong khi lợi tức trái phiếu ngân hàng kỳ hạn 7-8 năm dao động trong khoảng 5,8%-7,5%. Trái phiếu do các doanh nghiệp trong lĩnh vực phi tài chính phát hành tương đối ổn định trong khoảng 9-12%, tương tự thời điểm cuối 2023.

3. Thị trường cổ phiếu

VN-Index tăng 12,1% trong năm 2024, vượt trội so với PCOMP của Philippines (+1,2%), SET của Thái Lan (-1,1%) và JCI của Indonesia (-2,7%), nhưng thấp hơn FBMEMAS của Malaysia (+16,3%) và SHCOMP của Trung Quốc (+12,7%).

Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày tăng 13,4% so với năm trước, đạt 830 triệu USD. Nhưng thanh khoản chậm lại đáng kể vào nửa cuối năm do thị trường chủ yếu đi ngang, hạn chế cơ hội giao dịch ngắn hạn và làm giảm sự tham gia của nhà đầu tư cá nhân. Lực bán ròng từ khối ngoại cũng gây áp lực lên tâm lý thị trường. Nhà đầu tư nước ngoài rút ròng 3,7 tỷ USD trong năm 2024, tăng mạnh so với 944 triệu USD năm 2023, chủ yếu do lộ trình cắt giảm lãi suất của FED chậm hơn dự báo và đồng USD mạnh lên.

Cổ phiếu vốn hóa lớn dẫn dắt thị trường khi VN30 tăng 18,9%, vượt xa VN70 đại diện cho nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa (+9,9%) và VN50 đại diện cho nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ (+5,8%), đảo ngược xu hướng năm 2023 khi nhóm vốn hóa vừa và nhỏ chiếm ưu thế.

Trong 11 nhóm ngành GICS, 10 nhóm ghi nhận mức tăng. Công nghệ thông tin dẫn đầu (+75,5%), với động lực từ FPT Corp (HSX: FPT, +85,0%), được hưởng lợi từ tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ và mở rộng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực AI. Ngành Hàng tiêu dùng không thiết yếu (+31,6%) phục hồi nhờ điều kiện kinh tế cải thiện và niềm tin người tiêu dùng tăng lên. Ngành Tài chính (+20,4%) được hưởng lợi từ nhu cầu tín dụng cao hơn, triển vọng biên lãi ròng (NIM) cải thiện và áp lực nợ xấu (NPL) giảm trong bối cảnh kinh tế và thị trường bất động sản phục hồi. Bất động sản (-5,6%) là nhóm duy nhất giảm điểm, khi các doanh nghiệp lớn như Vingroup (HSX: VIC, -9,1%) và Vinhomes (HSX: VHM, -7,4%) chịu áp lực bán do lo ngại về những khoản hỗ trợ tài chính cho VinFast.

1180,
ING T
HIỆM H
T & Y
T NA
P. HỒ

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>1 năm đến thời điểm báo cáo (%)</i>	<i>Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)</i>
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	2,04	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (a)	18,20	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	20,24	11,50
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(a) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VNĐ</i>	<i>Tỷ lệ thay đổi (%)</i>
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	381.218.797.821	221.145.924.718	72,38
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ	33.205,26	27.615,06	20,24

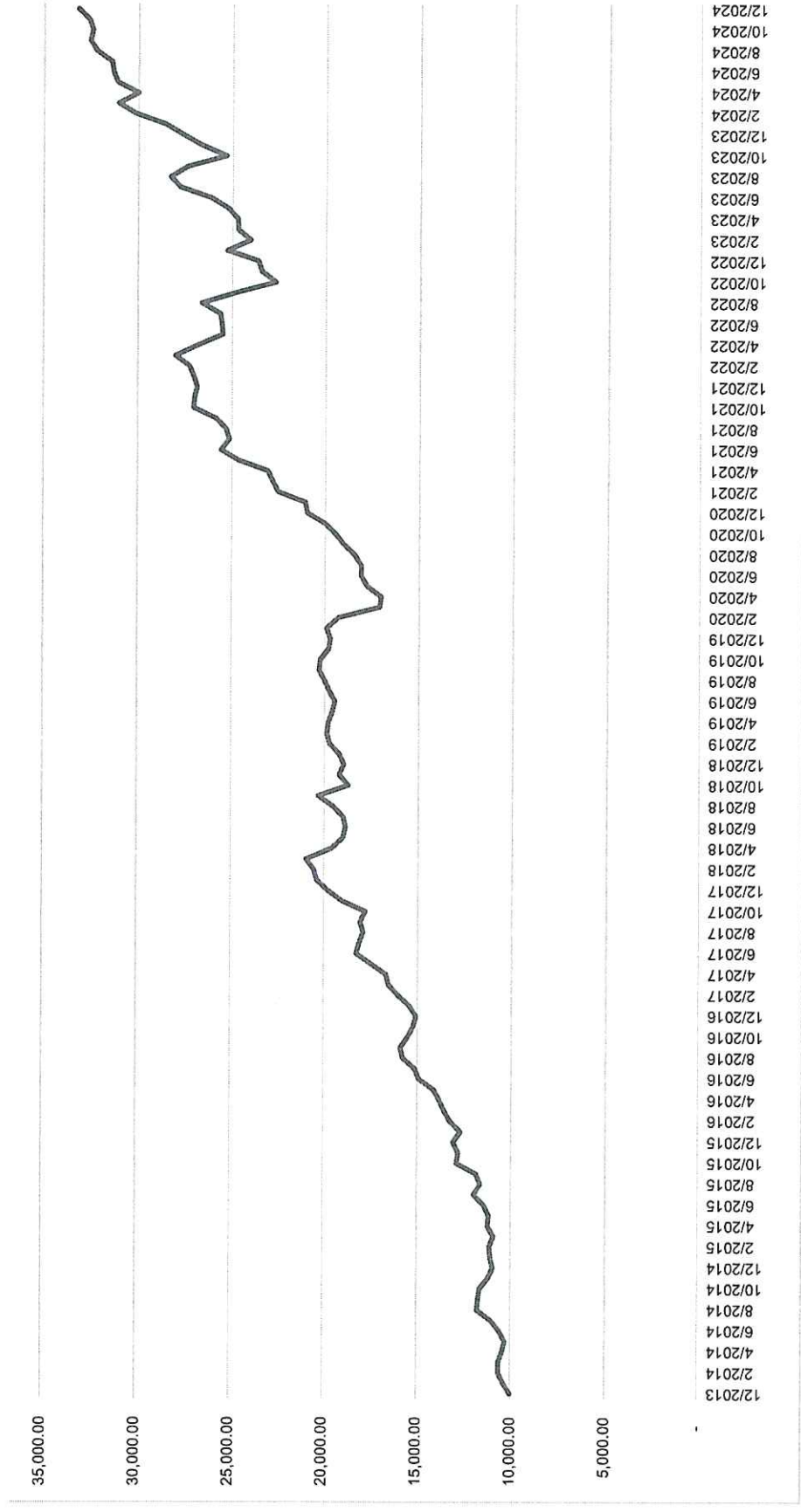
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chỉ tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	5.552	2.744.216,85	23,90
Từ 5.000 đến 10.000	176	1.246.121,36	10,85
Từ 10.000 đến 50.000	124	2.328.368,77	20,28
Từ 50.000 đến 500.000	13	1.327.937,63	11,57
Trên 500.000	2	3.834.027,88	33,40
Tổng cộng	5.867	11.480.672,49	100,00

3. Chi phí ngằm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ duy trì đà tăng trưởng cao trong năm 2025. Triển vọng của khu vực sản xuất, một trong những động lực tăng trưởng chính trong năm 2024 vẫn rất khả quan. Xuất khẩu được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mặc dù ở tốc độ chậm hơn do hiệu ứng nền thấp đã không còn. Trên thế giới, ngân hàng trung ương ở các nền kinh tế lớn đã cắt giảm lãi suất và điều này sẽ tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế thế giới. Bên cạnh đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành sản xuất vẫn rất khả quan và các dự án mới này khi đi vào hoạt động sẽ tạo ra giá trị xuất khẩu gia tăng. Hơn nữa, điều quan trọng là Chính phủ đã rất tích cực cải thiện môi trường kinh doanh để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và khuyến khích đầu tư mới, đặc biệt là các khoản đầu tư vào các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao. Chính phủ cũng đang rất quyết tâm đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng và điều này không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn mà còn giúp Việt Nam nâng cao lợi thế cạnh tranh trong thu hút vốn FDI trong trung và dài hạn. Khu vực dịch vụ, một động lực tăng trưởng quan trọng khác trong năm 2024 cũng có triển vọng khả quan. Ngành du lịch đã có một năm 2024 thăng hoa và tiếp tục đặt mục tiêu đầy tham vọng là đón 22 đến 23 triệu khách du lịch quốc tế trong năm 2025, tương đương mức tăng trưởng từ 25,0% đến 30,7% so với năm trước.

Tiêu dùng trong nước, vốn còn khá trì trệ trong năm 2024, được dự báo sẽ tăng tốc và đóng góp nhiều hơn vào tăng trưởng chung của nền kinh tế trong năm 2025. Chính phủ sẽ duy trì chính sách tiền tệ mở rộng như hiện nay để hỗ trợ nền kinh tế, đặc biệt khi lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát. Áp lực tỷ giá đã gia tăng trong quý 4 2024, sau khi dữ liệu vĩ mô cho thấy nền kinh tế Mỹ vẫn rất vững vàng. Ngoài ra, thị trường cũng lo ngại rằng chính sách về thuế quan, tài khóa, và nhập cư của tổng thống Mỹ Donald Trump có thể dẫn đến áp lực lạm phát dai dẳng và đồng USD duy trì sức mạnh. Tuy nhiên, vì lãi suất điều hành ở Mỹ hiện nay (4,25%-4,5%) vẫn còn khá cao trong khi áp lực lạm phát đã giảm đáng kể (chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân PCE tháng 12: +2,6% so với cùng kỳ), nên có khả năng Fed sẽ tiếp tục cắt giảm lãi suất trong năm 2025 để tránh khả năng thị trường lao động ở Mỹ suy yếu thêm. Bên cạnh đó, đồng nội tệ VND cũng sẽ được hỗ trợ bởi dòng vốn FDI và thặng dư thương mại. Cuối cùng, sự phục hồi của khu vực sản xuất công nghiệp sẽ giúp người dân lạc quan hơn về triển vọng công việc và từ đó tự tin hơn trong các quyết định chi tiêu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Kế hoạch áp thuế của tổng thống Mỹ có khả năng gây rủi ro cho xuất khẩu của Việt Nam vì Mỹ có thâm hụt thương mại lớn với Việt Nam (104,6 tỷ đô la Mỹ vào năm 2024). Tuy nhiên, có cơ sở để kỳ vọng rằng Việt Nam có thể tránh được hoặc ít nhất là giảm thiểu rủi ro này. Thứ nhất, điều quan trọng cần lưu ý là ông Donald Trump sử dụng thuế quan như một công cụ đàm phán cho cả mục tiêu kinh tế và chính trị. Điều đó giải thích vì sao ông Donald Trump dọa sẽ đánh thuế các sản phẩm nhập khẩu từ Canada và Mexico và áp dụng thuế quan bổ sung 10% đối với các sản phẩm từ Trung Quốc nhằm giải quyết nạn buôn bán ma túy và nhập cư bất hợp pháp vào Mỹ từ các quốc gia này. Rõ ràng là Mỹ không có các bất đồng như vậy với Việt Nam. Thứ hai, chi phí lao động ở Mỹ và Việt Nam chênh lệch rất lớn và do đó các doanh nghiệp sẽ không có lợi khi di dời các mảng kinh doanh thâm hụt lao động lớn về Mỹ. Trong một kịch bản tích cực hơn, Việt Nam có thể hưởng lợi nếu thuế suất Mỹ áp dụng lên hàng hóa nhập khẩu từ các quốc gia khác cao hơn thuế suất áp dụng lên hàng hóa từ Việt Nam.

Điều kiện vĩ mô hiện nay là thuận lợi cho kênh đầu tư cổ phiếu. Lợi nhuận của doanh nghiệp được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng. Trong năm 2024, tổng lợi nhuận của các công ty trong VN-Index tăng 17,6% so với cùng kỳ năm trước. Theo tổng hợp dự báo của thị trường, lợi nhuận năm 2025 của các công ty trong chỉ số VN-Index sẽ tăng 19,5% so với cùng kỳ. Định giá cổ phiếu hiện nay ở mức thấp và sẽ trở nên hấp dẫn hơn với hệ số P/E năm 2024 là 12,4 lần và dự phóng năm 2025 là 10,3 lần, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình trong 10 năm qua là 15,7 lần¹. Triển vọng thị trường chứng khoán được nâng hạng vào năm 2025 là một yếu tố tích cực khác. Thị trường kỳ vọng tổ chức FTSE sẽ nâng hạng chứng khoán Việt Nam lên thị trường mới nổi thứ cấp vào năm 2025 sau khi yêu cầu nhà đầu tư tổ chức nước ngoài phải ký quỹ 100% trước khi giao dịch được gỡ bỏ. Theo đại diện FTSE, sau khi được nâng hạng, thị trường chứng khoán Việt Nam có thể thu hút ngay khoảng 1 tỷ USD từ các quỹ thụ động.

Sang năm 2025, dự kiến lợi tức trái phiếu tiếp tục tăng cao cho trong quý 1 do thanh khoản tiếp tục hạn chế và lo ngại về tỉ giá tiếp tục gia tăng. Các tác động này sẽ giảm dần trong các quý sau. Tuy nhiên, so với năm 2024, nhu cầu vốn sẽ lớn hơn tương đối do tiềm năng mở rộng kinh doanh ở khu vực kinh tế tư nhân và giải ngân đầu tư công ở khu vực nhà nước. Ở khu vực tư nhân, nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng cao, môi trường kinh doanh được cải thiện, cải cách hành chính được đẩy mạnh sẽ thúc đẩy các hoạt động đầu tư. Ở khu vực nhà nước, Quốc Hội đã phê duyệt ngân sách đầu tư công 790,7 nghìn tỷ đồng cho năm 2025, cao hơn 16,7% so với năm 2024. Bên cạnh đó, áp lực lên VNĐ sẽ duy trì trong năm 2025 khi đồng USD tiếp tục mạnh và lãi suất USD neo cao. Theo đó, lợi tức trái phiếu dự kiến sẽ tăng trong năm 2025.

Đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp, hoạt động phát hành trái phiếu riêng lẻ ở nhóm các ngân hàng sẽ tiếp tục sôi động trong năm 2025. Để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% của Chính phủ, tăng trưởng tín dụng có thể sẽ vượt kế hoạch 16%, theo đó nhu cầu vốn của các ngân hàng thương mại sẽ cao hơn. Đối với hoạt động phát hành riêng lẻ của các tổ chức phi tín dụng, các quy định mới trong Luật chứng khoán sửa đổi mới ban hành đã thắt chặt hơn hoạt động phát hành trái phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư cá nhân. Theo đó, hoạt động phát hành có thể chậm lại do các tổ chức phát hành cần thu xếp để có xếp hạng tín nhiệm theo yêu cầu của luật. Trên thị trường phát hành ra công chúng, chưa có tín hiệu cho thấy sẽ có nhiều đợt chào bán hơn từ các tổ chức phi tín dụng trong năm 2025. Theo đó, lãi suất huy động của các ngân hàng dự kiến sẽ tăng, còn lợi tức trái phiếu doanh nghiệp dự kiến sẽ tiếp tục dao động trong khoảng 9%-12%.

¹ VCBF tổng hợp số liệu từ nhiều nguồn

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện quỹ, và Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF ("Quỹ" hoặc "VCBF – TBF") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ, Sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận và không chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Nguyễn Thuỳ Linh

Phó phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hiền

Nhân viên phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11717125/68272967

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 18 đến trang 65, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1

Nguyễn Văn Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

11.2.2.1
11.2.2.2
11.2.2.3
11.2.2.4
11.2.2.5
11.2.2.6
11.2.2.7
11.2.2.8
11.2.2.9
11.2.2.10
11.2.2.11
11.2.2.12
11.2.2.13
11.2.2.14
11.2.2.15
11.2.2.16
11.2.2.17
11.2.2.18
11.2.2.19
11.2.2.20
11.2.2.21
11.2.2.22
11.2.2.23
11.2.2.24
11.2.2.25
11.2.2.26
11.2.2.27
11.2.2.28
11.2.2.29
11.2.2.30
11.2.2.31
11.2.2.32
11.2.2.33
11.2.2.34
11.2.2.35
11.2.2.36
11.2.2.37
11.2.2.38
11.2.2.39
11.2.2.40
11.2.2.41
11.2.2.42
11.2.2.43
11.2.2.44
11.2.2.45
11.2.2.46
11.2.2.47
11.2.2.48
11.2.2.49
11.2.2.50
11.2.2.51
11.2.2.52
11.2.2.53
11.2.2.54
11.2.2.55
11.2.2.56
11.2.2.57
11.2.2.58
11.2.2.59
11.2.2.60
11.2.2.61
11.2.2.62
11.2.2.63
11.2.2.64
11.2.2.65
11.2.2.66
11.2.2.67
11.2.2.68
11.2.2.69
11.2.2.70
11.2.2.71
11.2.2.72
11.2.2.73
11.2.2.74
11.2.2.75
11.2.2.76
11.2.2.77
11.2.2.78
11.2.2.79
11.2.2.80
11.2.2.81
11.2.2.82
11.2.2.83
11.2.2.84
11.2.2.85
11.2.2.86
11.2.2.87
11.2.2.88
11.2.2.89
11.2.2.90
11.2.2.91
11.2.2.92
11.2.2.93
11.2.2.94
11.2.2.95
11.2.2.96
11.2.2.97
11.2.2.98
11.2.2.99
11.2.2.100

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
01	I. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		58.520.682.806	37.932.671.602
02	1.1 Cổ tức được chia		3.659.093.337	2.699.964.460
03	1.2 Tiền lãi được nhận	13	7.990.828.626	6.791.596.708
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	14	8.696.205.579	2.556.912.612
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	38.174.555.264	25.884.197.822
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		105.255.655	42.672.870
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	15	105.255.655	42.672.870
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		5.968.518.760	4.419.300.052
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	23.1	4.652.324.563	3.163.301.168
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	16	173.508.205	161.824.663
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	23.2	211.200.000	211.200.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	23.2	448.800.000	426.800.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		132.000.000	132.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		76.641.964	49.466.721
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		142.560.000	143.880.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	17	131.484.028	130.827.500
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		52.446.908.391	33.470.698.680
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		52.446.908.391	33.470.698.680
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		14.272.353.127	7.586.500.858
32	6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	5	38.174.555.264	25.884.197.822
40	VI. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		52.446.908.391	33.470.698.680

Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	60.186.025.243	6.606.265.359
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		41.030.724.838	2.592.128.373
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		19.155.300.405	4.014.136.986
120	2. Các khoản đầu tư thuần		320.936.715.724	213.920.775.789
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	320.936.715.724	213.920.775.789
130	3. Các khoản phải thu		3.104.394.661	1.658.597.000
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		3.104.394.661	1.658.597.000
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	3.104.394.661	1.658.597.000
100	TỔNG TÀI SẢN		384.227.135.628	222.185.638.148
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	23.1	185.329.258	-
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		22.021.463	-
316	3. Chi phí phải trả	7	27.000.000	71.280.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	8	1.260.859.118	490.254.063
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	9	957.939.716	124.494.491
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	10	555.188.252	353.684.876
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		3.008.337.807	1.039.713.430
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		381.218.797.821	221.145.924.718
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		114.806.724.900	80.081.612.900
412	1.1 Vốn góp phát hành	11	367.833.969.900	316.143.984.200
413	1.2 Vốn góp mua lại	11	(253.027.245.000)	(236.062.371.300)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		66.125.400.581	(6.775.452.131)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	12	200.286.672.340	147.839.763.949
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT CHỨNG CHỈ QUỸ	11	33.205,26	27.615,06

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm Chứng chỉ quỹ	Số đầu năm Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	19	11.480.672,49	8.008.161,29

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Bà Lê Vân
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục




Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc


Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu


Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm	221.145.924.718	212.659.619.655
II	Thay đổi NAV so với năm trước	52.446.908.391	33.470.698.680
II.1	<i>Trong đó:</i> - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	52.446.908.391	33.470.698.680
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	107.625.964.712	(24.984.393.617)
III.1	<i>Trong đó:</i> - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	161.001.175.153	26.489.212.423
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(53.375.210.441)	(51.473.606.040)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm	381.218.797.821	221.145.924.718

Bà Lê Văn
 Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục



Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
 Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
 Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
 Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (%)
I	Cổ phiếu			236.969.263.000	61,67
1	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ niêm yết				
1	ACB	373.350	25.800	9.632.430.000	2,51
2	ACV	40.800	125.900	5.136.720.000	1,34
3	BID	172.767	37.550	6.487.400.850	1,69
4	BVH	138.190	50.700	7.006.233.000	1,82
5	BWE	197.466	47.500	9.379.635.000	2,44
6	CTD	96.000	68.700	6.595.200.000	1,72
7	CTG	260.847	37.800	9.860.016.600	2,57
8	CTR	37.000	124.500	4.606.500.000	1,20
9	FPT	190.426	152.500	29.039.965.000	7,56
10	GMD	105.300	65.200	6.865.560.000	1,79
11	HCM	249.480	29.400	7.334.712.000	1,91
12	HPG	405.067	26.650	10.795.035.550	2,81
13	MBB	771.138	25.100	19.355.563.800	5,03
14	MSN	34.000	70.000	2.380.000.000	0,62
15	MWG	241.480	61.000	14.730.280.000	3,83
16	NCT	25.400	115.200	2.926.080.000	0,76
17	NLG	157.706	36.550	5.764.154.300	1,50
18	PNJ	117.838	97.900	11.536.340.200	3,00
19	PVS	161.745	33.900	5.483.155.500	1,43
20	QNS	112.300	50.000	5.615.000.000	1,46
21	SAB	54.800	55.500	3.041.400.000	0,79
22	STB	488.400	36.900	18.021.960.000	4,69
23	TCB	282.000	24.650	6.951.300.000	1,81
24	VHM	133.816	40.000	5.352.640.000	1,39
25	VIB	230.490	19.700	4.540.653.000	1,18
26	VIC	73.000	40.550	2.960.150.000	0,77
27	VNM	122.948	63.400	7.794.903.200	2,03
28	VPB	242.000	19.200	4.646.400.000	1,21
29	VRE	182.500	17.150	3.129.875.000	0,81

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (%)
II	Trái phiếu				
1	Trái phiếu niêm yết			66.000.597.564	17,18
1.1	CTD122015	20	1.000.000.000,000	20.000.000.000	5,21
1.2	MML121021	230.000	100.897,370	23.206.395.100	6,04
1.3	MSN123008	120.000	100.150,338	12.018.040.560	3,13
1.4	TNG122017	36.000	101.734,329	3.662.435.844	0,95
1.5	VHM121025	70.000	101.624,658	7.113.726.060	1,85
2	Trái phiếu chưa niêm yết			17.966.855.160	4,68
2.1	BCM12406	180	99.815.862,000	17.966.855.160	4,68
III	Các tài sản khác			3.104.394.661	0,81
1	Dự thu cổ tức			267.074.000	0,07
2	Dự thu lãi trái phiếu			2.775.414.383	0,72
3	Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi			61.906.278	0,02
IV	Tiền			60.186.025.243	15,66
1	Tiền gửi ngân hàng Trong đó:				
1.1	- Tiền gửi thanh toán			41.030.724.838	10,68
1.2	- Các khoản tương đương tiền			19.155.300.405	4,98
V	Tổng giá trị danh mục			384.227.135.628	100,00

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục


Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc


Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu


Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		52.446.908.391	33.470.698.680
02	2. Điều chỉnh cho các khoản giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(38.245.835.264)	(25.891.697.822)
	Trong đó:			
03	Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(38.174.555.264)	(25.884.197.822)
04	Chi phí trích trước		(71.280.000)	(7.500.000)
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		14.201.073.127	7.579.000.858
20	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư		(68.841.384.671)	21.983.486.029
07	(Tăng)/giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(1.445.797.661)	432.081.645
11	Tăng/(giảm) phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		185.329.258	(106.334.569)
13	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		22.021.463	(6.389.486)
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		770.605.055	401.616.363
15	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		833.445.225	-
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		27.000.000	-
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		201.503.376	11.446.108
19	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(54.046.204.828)	30.294.906.948
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	11	161.001.175.153	26.489.212.423
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	11	(53.375.210.441)	(51.473.606.040)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		107.625.964.712	(24.984.393.617)
40	III. TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM		53.579.759.884	5.310.513.331

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	6.606.265.359	1.295.752.028
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		6.606.265.359	1.295.752.028
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		5.991.516.805	1.082.619.837
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		4.014.136.986	-
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		1.977.379.819	1.082.619.837
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ		614.748.554	213.132.191
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	60.186.025.243	6.606.265.359
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		60.186.025.243	6.606.265.359
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		56.819.202.805	5.991.516.805
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		19.155.300.405	4.014.136.986
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		37.663.902.400	1.977.379.819
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ		3.366.822.438	614.748.554
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG NĂM		53.579.759.884	5.310.513.331

Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 5 năm 2024. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày 11 tháng 7 năm 2024 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 VNĐ, chiếm 120,85% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 114.806.724.900 VNĐ, tương đương với 11.480.672,49 chứng chỉ quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi ngân hàng, giấy tờ có giá, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản có thu nhập cố định khác. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư khi trái phiếu đáp ứng được một số yêu cầu về an toàn và quy định của pháp luật. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được Nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.

Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư nếu được phát hành bởi các công ty có chất lượng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín và thỏa mãn các yêu cầu của pháp luật.

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và vừa trên HSX và HNX. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn và vừa là những cổ phiếu có vốn hoá thị trường lớn hơn hoặc bằng vốn hoá thị trường của cổ phiếu có vốn hóa nhỏ nhất trong rổ chỉ số VN100 của HSX.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, Quỹ đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, Quỹ sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên, tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV")

NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Ba, thứ Năm hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Ba, thứ Năm không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc vào thứ Ba, thứ Năm tiếp theo.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Luật hiện hành. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản gồm: tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
 - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- e) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản dưới đây (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:
 - i. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - ii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
 - iii. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - iv. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF - TBF;
- i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - i. Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - ii. Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - iii. Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành;
- l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d), (e), (f) và (i) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- (i) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (ii) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (iii) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (iv) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc
- (v) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư vì các lý do quy định tại điểm (i), (ii), (iii), (iv) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi pháp luật hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3.4).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VNĐ").

2.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ chờ xử lý, tiền gửi phong tỏa, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC (“Thông tư 98”) ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ (tiếp theo)		
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ (được chi tiết trong sổ tay định giá).
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	- Giá thị trường là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) hoặc các trường hợp khác được chi tiết tại Sổ tay định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế. Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế.
7.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Trường hợp trái phiếu chính phủ/trái phiếu chính phủ bảo lãnh/trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.

11/2/2025
JUL
10

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch	- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá) hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá, sử dụng một trong các phương pháp định giá sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách. Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.
9.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá;
10.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% (tám mươi phần trăm) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF. - Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
12.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = $\text{Max}\{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{Giá phát hành cổ phiếu mới}) \times \text{tỷ lệ thực hiện quyền}\}$ Trong đó: $\text{Tỷ lệ thực hiện quyền} = \text{Số cổ phiếu được mua} / \text{Số lượng quyền mua sở hữu}$
Chứng khoán phái sinh		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá)	Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.
Các tài sản khác		
15.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

3.5 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tòa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn (tiếp theo)

3.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối niên độ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

3.6.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "Lợi nhuận chưa phân phối" vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng thực hiện như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua, bán chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.9.1 *Giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng*

Giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư đại chúng mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ/năm.

(i) *Giá dịch vụ quản lý quỹ*

Giá dịch vụ quản lý quỹ hằng năm tối đa sẽ là 1,50% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá dịch vụ quản lý quỹ cụ thể sẽ được VCBF công bố tùy theo từng thời điểm trên website của mình.

(ii) *Giá dịch vụ quản trị quỹ*

Từ sau ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 1 năm 2023, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng. Từ ngày 1 tháng 2 năm 2023 giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 31.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

(iii) *Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng*

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.9.2 *Giá dịch vụ giám sát*

Giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 16.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.9.3 *Giá dịch vụ lưu ký*

Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, chi phí giao dịch và đăng ký chứng khoán... Giá dịch vụ lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.9.4 *Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán*

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.9.5 Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 đồng một năm, tương đương với 3.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.11 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư (tiếp theo)

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

30/
C
CHI
4S
VII
1-7
11

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, không bao gồm các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Quỹ sử dụng phương pháp và các giả định như tại *Thuyết minh 23* để ước tính giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.15 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	37.663.902.400	1.977.379.819
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	19.155.300.405	4.014.136.986
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ	3.366.822.438	614.748.554
	60.186.025.243	6.606.265.359

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá mua VNĐ	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VNĐ	Chênh lệch do đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại VNĐ
			Chênh lệch tăng VNĐ	Chênh lệch giảm VNĐ	Chênh lệch (giảm)/tăng thuần VNĐ	
Ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Cổ phiếu niêm yết	165.699.334.324	236.969.263.000	83.756.623.720	(12.486.695.044)	71.269.928.676	236.969.263.000
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết						
(a)	66.059.237.598	66.000.597.564	158.433.795	(217.073.829)	(58.640.034)	66.000.597.564
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (b)	17.989.972.623	17.966.855.160	-	(23.117.463)	(23.117.463)	17.966.855.160
	249.748.544.545	320.936.715.724	83.915.057.515	(12.726.886.336)	71.188.171.179	320.936.715.724
Ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Cổ phiếu niêm yết	120.388.801.379	153.500.200.600	44.924.674.465	(11.813.275.244)	33.111.399.221	153.500.200.600
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	50.518.358.495	50.420.575.189	337.379.017	(435.162.323)	(97.783.306)	50.420.575.189
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000
	180.907.159.874	213.920.775.789	45.262.053.482	(12.248.437.567)	33.013.615.915	213.920.775.789
					38.174.555.264	

Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập

- (a) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Vinhomes, Công ty Cổ phần Masan Meatlife, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, kỳ hạn từ 4 đến 5 năm, lãi suất từ 8,575%/năm đến 10%/năm, lãi trả 3 tháng/lần hoặc 6 tháng/lần.
- Trái phiếu do Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons phát hành, kỳ hạn 3 năm, lãi suất 9,50%/năm, lãi trả 6 tháng/lần. Trái phiếu do Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons này đã hủy niêm yết từ 30/12/2024 do đến thời gian đáo hạn, thuộc trường hợp hủy bỏ niêm yết theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 120 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán ngày 31/12/2020. Đến ngày 14 tháng 1 năm 2025, tổ chức phát hành đã trả toán bộ gốc và lãi.
- (b) Trái phiếu do Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp phát hành, kỳ hạn 3 năm kể từ ngày phát hành, lãi suất 10,20%/năm, lãi trả định kỳ 6 tháng/lần.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

6. DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu	2.775.414.383	1.603.613.582
Dự thu cổ tức	267.074.000	42.974.000
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	61.906.278	12.009.418
	3.104.394.661	1.658.597.000

7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Phí kiểm toán	-	71.280.000
Thủ lao Ban đại diện Quỹ	27.000.000	-
	27.000.000	71.280.000

8. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

Là khoản tiền nhà đầu tư nộp mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

Là khoản tiền đang chờ hoàn thành thủ tục thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỜ

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	474.228.252	276.024.876
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	37.400.000
Phải trả dịch vụ giám sát	17.600.000	17.600.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	11.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	3.960.000	660.000
	555.188.252	353.684.876

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

11. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Số đầu năm VNĐ</i>	<i>Phát sinh trong năm VNĐ</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	31.614.398,42	5.168.998,57	36.783.396,99
Giá trị ghi theo mệnh giá	316.143.984.200	51.689.985.700	367.833.969.900
Thặng dư vốn	231.430.862.202	109.311.189.453	340.742.051.655
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	547.574.846.402	161.001.175.153	708.576.021.555
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(23.606.237,13)	(1.696.487,37)	(25.302.724,50)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(236.062.371.300)	(16.964.873.700)	(253.027.245.000)
Thặng dư vốn	(238.206.314.333)	(36.410.336.741)	(274.616.651.074)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(474.268.685.633)	(53.375.210.441)	(527.643.896.074)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	8.008.161,29	3.472.511,20	11.480.672,49
Giá trị vốn góp hiện hành	73.306.160.769	107.625.964.712	180.932.125.481
Lợi nhuận chưa phân phối	147.839.763.949	52.446.908.391	200.286.672.340
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	221.145.924.718		381.218.797.821
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	27.615,06		33.205,26

12. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Lợi nhuận đã thực hiện	129.098.501.161	114.826.148.034
Lợi nhuận chưa thực hiện	71.188.171.179	33.013.615.915
	200.286.672.340	147.839.763.949

13. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Tiền lãi từ trái phiếu	7.548.853.311	6.336.113.757
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	-	330.863.014
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	424.619.461	122.365.625
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	17.355.854	2.254.312
	7.990.828.626	6.791.596.708

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

14. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay		
	Tổng giá trị bán trong năm VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong năm VNĐ
Cổ phiếu	18.128.710.000	9.362.792.055	8.765.917.945
Trái phiếu	26.570.000.000	26.639.712.366	(69.712.366)
	44.698.710.000	36.002.504.421	8.696.205.579
	Năm trước		
	Tổng giá trị bán trong năm VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lãi bán chứng khoán trong năm VNĐ
Cổ phiếu	22.924.129.600	20.396.352.125	2.527.777.475
Trái phiếu niêm yết	17.620.000.000	17.590.864.863	29.135.137
Chứng chỉ tiền gửi	5.000.000.000	5.000.000.000	-
	45.544.129.600	42.987.216.988	2.556.912.612

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	22.448.440	32.685.929
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	82.759.125	9.764.695
Chi phí giao dịch khác	48.090	222.246
	105.255.655	42.672.870

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, giao dịch của Quỹ thực hiện thông qua các công ty chứng khoán như sau:

STT (1)	Tên công ty chứng khoán (2)	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ (3)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng Công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân (%)	Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%)
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VNĐ	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ(*) VNĐ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm (%)		
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	17.431.073.250	122.374.423.750	14,24	0,05	0,00 – 0,45
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Không liên quan	12.171.900.000	122.374.423.750	9,95	0,15	0,00 – 0,45
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	Không liên quan	12.103.320.000	122.374.423.750	9,89	0,02	0,00 – 0,45
4	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Có liên quan	15.438.085.000	122.374.423.750	12,62	0,15	0,00 – 0,45
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	Không liên quan	17.958.420.500	122.374.423.750	14,68	0,11	0,00 – 0,45
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Không liên quan	18.725.530.000	122.374.423.750	15,30	0,09	0,00 – 0,45
7	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	Không liên quan	15.546.095.000	122.374.423.750	12,70	0,10	0,00 – 0,45
8	Giao dịch chứng khoán không niêm yết	Không liên quan	13.000.000.000	122.374.423.750	10,62	Không áp dụng	Không áp dụng
	Tổng		122.374.423.750		100,00		0,00 – 0,45

(*) Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ có tính đến toàn bộ giao dịch của cổ phiếu, trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

16. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	<i>Năm nay</i> <i>VNĐ</i>	<i>Năm trước</i> <i>VNĐ</i>
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	132.000.000	132.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	25.300.000	15.950.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam	16.208.205	13.874.663
	173.508.205	161.824.663

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay</i> <i>VNĐ</i>	<i>Năm trước</i> <i>VNĐ</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000
Phí thường niên trả Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	7.500.000	7.500.000
Phí ngân hàng	3.874.028	3.327.500
Chi phí khác	110.000	-
	131.484.028	130.827.500

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ cuối Tháng 12/2023	221.145.924.718	8.008.161,29	27.615,06	
Kỳ 1 Tháng 1/2024	221.150.868.559	8.008.161,29	27.615,68	0,62
Kỳ 2 Tháng 1/2024	223.493.851.915	8.015.291,75	27.883,43	267,75
Kỳ 3 Tháng 1/2024	225.741.232.445	8.021.814,19	28.140,92	257,49
Kỳ 4 Tháng 1/2024	226.909.303.608	8.086.621,20	28.059,84	(81,08)
Kỳ 5 Tháng 1/2024	230.960.247.626	8.265.580,02	27.942,41	(117,43)
Kỳ 6 Tháng 1/2024	233.972.953.964	8.293.147,96	28.212,80	270,39
Kỳ 7 Tháng 1/2024	238.113.407.758	8.301.815,64	28.682,08	469,28
Kỳ 8 Tháng 1/2024	236.949.235.496	8.300.561,78	28.546,16	(135,92)
Kỳ 9 Tháng 1/2024	238.338.219.517	8.317.346,78	28.655,55	109,39
Kỳ cuối Tháng 1/2024	237.987.307.338	8.334.197,02	28.555,51	(100,04)
Kỳ 1 Tháng 2/2024	243.102.381.427	8.353.631,79	29.101,40	545,89
Kỳ 2 Tháng 2/2024	246.392.997.380	8.390.103,76	29.367,09	265,69
Kỳ 3 Tháng 2/2024	248.472.677.215	8.399.046,93	29.583,43	216,34
Kỳ 4 Tháng 2/2024	252.532.703.666	8.498.461,87	29.715,10	131,67
Kỳ 5 Tháng 2/2024	254.778.997.381	8.582.067,18	29.687,36	(27,74)
Kỳ 6 Tháng 2/2024	260.438.295.191	8.652.365,01	30.100,24	412,88
Kỳ cuối Tháng 2/2024	261.935.826.378	8.692.799,05	30.132,50	32,26
Kỳ 1 Tháng 3/2024	264.863.605.273	8.692.799,05	30.469,31	336,81
Kỳ 2 Tháng 3/2024	267.435.662.128	8.786.868,21	30.435,83	(33,48)
Kỳ 3 Tháng 3/2024	262.801.582.261	8.790.890,48	29.894,76	(541,07)
Kỳ 4 Tháng 3/2024	272.287.543.131	8.873.188,26	30.686,55	791,79
Kỳ 5 Tháng 3/2024	270.477.689.911	8.912.351,05	30.348,63	(337,92)
Kỳ 6 Tháng 3/2024	275.702.614.198	9.001.126,98	30.629,78	281,15
Kỳ 7 Tháng 3/2024	276.642.520.133	9.031.908,28	30.629,46	(0,32)
Kỳ 8 Tháng 3/2024	281.815.396.279	9.092.515,86	30.994,21	364,75
Kỳ cuối Tháng 3/2024	283.204.382.503	9.117.935,83	31.060,14	65,93

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 4/2024	283.281.728.685	9.117.935,83	31.068,62	8,48
Kỳ 2 Tháng 4/2024	284.722.364.470	9.257.939,31	30.754,39	(314,23)
Kỳ 3 Tháng 4/2024	281.336.270.165	9.313.044,83	30.208,83	(545,56)
Kỳ 4 Tháng 4/2024	285.486.100.188	9.382.690,45	30.426,89	218,06
Kỳ 5 Tháng 4/2024	279.677.658.743	9.399.970,86	29.753,03	(673,86)
Kỳ 6 Tháng 4/2024	277.057.943.791	9.427.731,50	29.387,55	(365,48)
Kỳ 7 Tháng 4/2024	282.198.945.183	9.443.016,20	29.884,40	496,85
Kỳ cuối Tháng 4/2024	283.688.945.159	9.454.940,66	30.004,30	119,90
Kỳ 1 Tháng 5/2024	283.695.497.665	9.454.940,66	30.005,00	0,70
Kỳ 2 Tháng 5/2024	291.126.717.493	9.497.792,81	30.652,03	647,03
Kỳ 3 Tháng 5/2024	293.582.382.269	9.510.681,04	30.868,70	216,67
Kỳ 4 Tháng 5/2024	292.278.639.101	9.540.334,05	30.636,10	(232,60)
Kỳ 5 Tháng 5/2024	297.133.658.291	9.587.559,61	30.991,58	355,48
Kỳ 6 Tháng 5/2024	299.521.697.669	9.595.160,05	31.215,91	224,33
Kỳ 7 Tháng 5/2024	301.506.311.992	9.637.020,64	31.286,25	70,34
Kỳ 8 Tháng 5/2024	301.577.444.276	9.663.871,39	31.206,69	(79,56)
Kỳ 9 Tháng 5/2024	304.635.206.015	9.769.173,86	31.183,31	(23,38)
Kỳ cuối Tháng 5/2024	304.006.982.002	9.773.880,94	31.104,01	(79,30)
Kỳ 1 Tháng 6/2024	308.007.353.864	9.773.880,94	31.513,31	409,30
Kỳ 2 Tháng 6/2024	308.514.746.979	9.777.696,04	31.552,90	39,59
Kỳ 3 Tháng 6/2024	311.777.315.391	9.787.306,23	31.855,27	302,37
Kỳ 4 Tháng 6/2024	318.112.596.005	9.874.443,68	32.215,74	360,47
Kỳ 5 Tháng 6/2024	315.579.015.184	9.922.732,59	31.803,64	(412,10)
Kỳ 6 Tháng 6/2024	319.942.149.280	9.985.186,23	32.041,68	238,04
Kỳ 7 Tháng 6/2024	315.027.017.469	9.967.972,60	31.603,92	(437,76)
Kỳ 8 Tháng 6/2024	317.754.150.810	10.049.675,30	31.618,34	14,42
Kỳ cuối Tháng 6/2024	315.975.103.708	10.082.756,46	31.338,16	(280,18)



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/1 đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/1 đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1/Tháng 7/2024	317.884.146.104	10.082.756,46	31.527,50	189,34
Kỳ 2/Tháng 7/2024	322.589.688.273	10.150.181,64	31.781,66	254,16
Kỳ 3/Tháng 7/2024	325.888.292.593	10.165.320,86	32.058,82	277,16
Kỳ 4/Tháng 7/2024	326.202.101.406	10.205.891,06	31.962,13	(96,69)
Kỳ 5/Tháng 7/2024	325.353.719.518	10.221.781,64	31.829,45	(132,68)
Kỳ 6/Tháng 7/2024	325.674.271.702	10.252.196,51	31.766,29	(63,16)
Kỳ 7/Tháng 7/2024	324.237.838.964	10.267.186,48	31.580,00	(186,29)
Kỳ 8/Tháng 7/2024	322.306.956.535	10.323.874,71	31.219,57	(360,43)
Kỳ 9/Tháng 7/2024	324.242.396.971	10.336.704,06	31.368,06	148,49
Kỳ Cuối/Tháng 7/2024	325.761.894.340	10.365.799,31	31.426,60	58,54
Kỳ 1/Tháng 8/2024	315.870.982.807	10.416.010,32	30.325,52	(1.101,08)
Kỳ 2/Tháng 8/2024	321.401.279.090	10.447.352,10	30.763,89	438,37
Kỳ 3/Tháng 8/2024	326.914.977.612	10.469.673,09	31.224,94	461,05
Kỳ 4/Tháng 8/2024	327.566.138.329	10.506.824,09	31.176,51	(48,43)
Kỳ 5/Tháng 8/2024	335.400.078.398	10.533.161,51	31.842,29	665,78
Kỳ 6/Tháng 8/2024	339.684.347.006	10.563.997,30	32.154,90	312,61
Kỳ 7/Tháng 8/2024	338.892.971.548	10.558.973,34	32.095,25	(59,65)
Kỳ 8/Tháng 8/2024	337.981.743.438	10.522.084,07	32.121,17	25,92
Kỳ Cuối/Tháng 8/2024	339.138.967.443	10.524.697,83	32.223,15	101,98
Kỳ 1/Tháng 9/2024	337.690.654.349	10.524.697,83	32.085,54	(137,61)
Kỳ 2/Tháng 9/2024	336.979.932.215	10.568.619,34	31.884,95	(200,59)
Kỳ 3/Tháng 9/2024	336.239.622.394	10.593.370,88	31.740,56	(144,39)
Kỳ 4/Tháng 9/2024	335.378.267.182	10.620.518,35	31.578,33	(162,23)
Kỳ 5/Tháng 9/2024	341.901.207.049	10.644.261,67	32.120,70	542,37
Kỳ 6/Tháng 9/2024	344.640.371.303	10.657.697,96	32.337,22	216,52
Kỳ 7/Tháng 9/2024	348.151.972.880	10.656.570,66	32.670,16	332,94
Kỳ Cuối/Tháng 9/2024	347.340.729.964	10.664.152,23	32.570,87	(99,29)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/1 đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/1 đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1/Tháng 10/2024	345.768.688.667	10.616.815,77	32.568,02	(2,85)
Kỳ 2/Tháng 10/2024	343.488.348.822	10.635.392,76	32.296,72	(271,30)
Kỳ 3/Tháng 10/2024	346.747.877.478	10.681.809,61	32.461,52	164,80
Kỳ 4/Tháng 10/2024	349.262.493.874	10.714.404,98	32.597,46	135,94
Kỳ 5/Tháng 10/2024	349.507.396.923	10.743.387,85	32.532,32	(65,14)
Kỳ 6/Tháng 10/2024	349.897.017.249	10.755.532,92	32.531,81	(0,51)
Kỳ 7/Tháng 10/2024	349.463.623.191	10.771.541,30	32.443,23	(88,58)
Kỳ 8/Tháng 10/2024	348.525.735.242	10.808.039,44	32.246,89	(196,34)
Kỳ 9/Tháng 10/2024	351.261.918.748	10.852.758,69	32.366,14	119,25
Kỳ Cuối/Tháng 10/2024	353.236.143.516	10.890.798,26	32.434,36	68,22
Kỳ 1/Tháng 11/2024	350.580.630.013	10.890.798,26	32.190,53	(243,83)
Kỳ 2/Tháng 11/2024	355.294.840.771	10.928.163,67	32.511,85	321,32
Kỳ 3/Tháng 11/2024	355.461.724.981	10.949.593,25	32.463,46	(48,39)
Kỳ 4/Tháng 11/2024	356.352.638.928	10.996.587,04	32.405,74	(57,72)
Kỳ 5/Tháng 11/2024	350.698.545.891	11.007.948,82	31.858,66	(547,08)
Kỳ 6/Tháng 11/2024	350.671.720.352	11.016.613,16	31.831,17	(27,49)
Kỳ 7/Tháng 11/2024	355.006.089.862	11.028.544,46	32.189,75	358,58
Kỳ 8/Tháng 11/2024	358.312.581.971	11.077.561,35	32.345,79	156,04
Kỳ Cuối/Tháng 11/2024	362.780.104.826	11.123.356,55	32.614,26	268,47
Kỳ 1/Tháng 12/2024	362.352.108.584	11.123.356,55	32.575,78	(38,48)
Kỳ 2/Tháng 12/2024	362.212.099.737	11.164.685,47	32.442,66	(133,12)
Kỳ 3/Tháng 12/2024	368.917.729.817	11.191.249,31	32.964,83	522,17
Kỳ 4/Tháng 12/2024	371.700.570.642	11.288.735,81	32.926,67	(38,16)
Kỳ 5/Tháng 12/2024	373.761.450.712	11.356.785,90	32.910,84	(15,83)
Kỳ 6/Tháng 12/2024	373.402.887.974	11.354.382,56	32.886,23	(24,61)
Kỳ 7/Tháng 12/2024	374.813.589.335	11.398.186,30	32.883,61	(2,62)
Kỳ 8/Tháng 12/2024	379.192.362.521	11.421.323,53	33.200,38	316,77
Kỳ 9/Tháng 12/2024	380.533.586.018	11.446.543,21	33.244,41	44,03
Kỳ Cuối/Tháng 12/2024	381.218.797.821	11.480.672,49	33.205,26	(39,15)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất

(1.101,08)
(0,32)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ cuối Tháng 12/2022	212.659.619.655	9.005.105,61	23.615,44	
Kỳ 1 Tháng 1/2023	212.560.782.879	9.005.105,61	23.604,47	(10,97)
Kỳ 2 Tháng 1/2023	217.252.310.116	9.003.609,25	24.129,46	524,99
Kỳ 3 Tháng 1/2023	218.129.961.600	9.006.241,14	24.219,86	90,40
Kỳ 4 Tháng 1/2023	219.087.786.293	9.008.393,83	24.320,40	100,54
Kỳ 5 Tháng 1/2023	220.627.976.825	9.012.307,97	24.480,74	160,34
Kỳ 6 Tháng 1/2023	225.838.774.268	9.018.095,22	25.042,84	562,10
Kỳ 7 Tháng 1/2023	226.899.682.279	9.020.046,46	25.155,04	112,20
Kỳ 8 Tháng 1/2023	226.922.858.798	9.020.046,46	25.157,61	2,57
Kỳ cuối Tháng 1/2023	227.975.397.666	9.019.951,98	25.274,56	116,95
Kỳ 1 Tháng 2/2023	223.325.656.404	9.019.951,98	24.759,07	(515,49)
Kỳ 2 Tháng 2/2023	223.895.268.512	9.026.412,66	24.804,45	45,38
Kỳ 3 Tháng 2/2023	198.784.887.292	8.108.929,97	24.514,31	(290,14)
Kỳ 4 Tháng 2/2023	196.735.265.133	8.112.235,12	24.251,67	(262,64)
Kỳ 5 Tháng 2/2023	196.979.848.827	8.113.545,24	24.277,90	26,23
Kỳ 6 Tháng 2/2023	203.054.469.013	8.116.288,56	25.018,14	740,24
Kỳ 7 Tháng 2/2023	199.118.684.493	8.120.364,46	24.520,90	(497,24)
Kỳ 8 Tháng 2/2023	193.904.282.208	8.107.562,13	23.916,47	(604,43)
Kỳ cuối Tháng 2/2023	194.726.510.981	8.106.168,55	24.022,01	105,54
Kỳ 1 Tháng 3/2023	197.542.273.356	8.106.168,55	24.369,37	347,36
Kỳ 2 Tháng 3/2023	195.602.304.414	8.109.273,21	24.120,81	(248,56)
Kỳ 3 Tháng 3/2023	197.935.794.463	8.103.029,08	24.427,38	306,57
Kỳ 4 Tháng 3/2023	197.079.242.278	8.106.282,51	24.311,91	(115,47)
Kỳ 5 Tháng 3/2023	198.876.870.576	8.107.511,04	24.529,95	218,04
Kỳ 6 Tháng 3/2023	194.529.589.955	8.106.754,54	23.995,98	(533,97)
Kỳ 7 Tháng 3/2023	196.132.831.227	8.096.930,28	24.223,10	227,12
Kỳ 8 Tháng 3/2023	197.778.277.095	8.095.177,89	24.431,61	208,51
Kỳ 9 Tháng 3/2023	197.801.394.523	8.086.952,25	24.459,32	27,71
Kỳ cuối Tháng 3/2023	199.539.218.539	8.076.676,79	24.705,60	246,28

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 4/2023	201.661.548.178	8.076.676,79	24.968,38	262,78
Kỳ 2 Tháng 4/2023	201.862.748.445	8.067.684,95	25.021,14	52,76
Kỳ 3 Tháng 4/2023	200.496.090.947	8.069.140,14	24.847,26	(173,88)
Kỳ 4 Tháng 4/2023	201.223.552.699	8.076.280,15	24.915,37	68,11
Kỳ 5 Tháng 4/2023	199.573.952.176	8.076.381,08	24.710,81	(204,56)
Kỳ 6 Tháng 4/2023	199.255.167.737	8.066.746,38	24.700,80	(10,01)
Kỳ 7 Tháng 4/2023	199.476.096.108	8.064.435,99	24.735,28	34,48
Kỳ 8 Tháng 4/2023	198.776.656.764	8.064.165,18	24.649,37	(85,91)
Kỳ cuối Tháng 4/2023	199.381.963.307	8.064.943,24	24.722,05	72,68
Kỳ 1 Tháng 5/2023	199.406.216.494	8.064.943,24	24.725,06	3,01
Kỳ 2 Tháng 5/2023	199.292.608.945	8.069.576,76	24.696,78	(28,28)
Kỳ 3 Tháng 5/2023	200.557.327.784	8.074.033,31	24.839,79	143,01
Kỳ 4 Tháng 5/2023	201.962.041.418	8.075.725,04	25.008,53	168,74
Kỳ 5 Tháng 5/2023	201.654.907.750	8.072.462,30	24.980,59	(27,94)
Kỳ 6 Tháng 5/2023	203.162.432.514	8.067.332,64	25.183,34	202,75
Kỳ 7 Tháng 5/2023	201.826.429.663	8.054.994,99	25.056,05	(127,29)
Kỳ 8 Tháng 5/2023	203.045.382.903	8.054.759,49	25.208,12	152,07
Kỳ cuối Tháng 5/2023	203.000.114.983	8.053.215,91	25.207,33	(0,79)
Kỳ 1 Tháng 6/2023	205.524.239.752	8.055.071,26	25.514,88	307,55
Kỳ 2 Tháng 6/2023	206.976.517.517	8.048.870,97	25.714,97	200,09
Kỳ 3 Tháng 6/2023	207.700.392.622	8.054.933,87	25.785,48	70,51
Kỳ 4 Tháng 6/2023	207.139.659.665	8.053.608,88	25.720,10	(65,38)
Kỳ 5 Tháng 6/2023	207.468.476.993	8.056.341,70	25.752,19	32,09
Kỳ 6 Tháng 6/2023	210.293.031.222	8.069.736,17	26.059,46	307,27
Kỳ 7 Tháng 6/2023	211.866.870.869	8.072.771,19	26.244,62	185,16
Kỳ 8 Tháng 6/2023	212.904.013.703	8.079.380,26	26.351,52	106,90
Kỳ cuối Tháng 6/2023	211.250.053.259	8.082.337,13	26.137,24	(214,28)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/1 đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/1 đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1/Tháng 7/2023	212.096.544.398	8.082.337,13	26.241,98	104,74
Kỳ 2/Tháng 7/2023	213.285.991.381	8.089.998,47	26.364,14	122,16
Kỳ 3/Tháng 7/2023	215.980.933.386	8.097.380,68	26.672,93	308,79
Kỳ 4/Tháng 7/2023	217.536.480.601	8.080.982,33	26.919,55	246,62
Kỳ 5/Tháng 7/2023	218.964.462.371	8.075.593,12	27.114,35	194,80
Kỳ 6/Tháng 7/2023	218.280.514.976	8.073.264,79	27.037,45	(76,90)
Kỳ 7/Tháng 7/2023	219.946.105.417	8.024.437,62	27.409,53	372,08
Kỳ 8/Tháng 7/2023	219.843.331.249	8.028.733,60	27.382,06	(27,47)
Kỳ Cuối/Tháng 7/2023	221.390.370.994	7.969.329,96	27.780,29	398,23
Kỳ 1/Tháng 8/2023	219.394.917.542	7.946.758,63	27.608,10	(172,19)
Kỳ 2/Tháng 8/2023	222.833.622.491	7.954.665,04	28.012,94	404,84
Kỳ 3/Tháng 8/2023	222.655.872.055	7.964.163,33	27.957,22	(55,72)
Kỳ 4/Tháng 8/2023	222.770.854.438	7.955.880,69	28.000,77	43,55
Kỳ 5/Tháng 8/2023	218.669.634.119	7.764.970,91	28.161,03	160,26
Kỳ 6/Tháng 8/2023	211.440.679.983	7.769.340,70	27.214,75	(946,28)
Kỳ 7/Tháng 8/2023	210.162.426.010	7.759.442,81	27.084,73	(130,02)
Kỳ 8/Tháng 8/2023	215.092.256.541	7.758.467,87	27.723,54	638,81
Kỳ 9/Tháng 8/2023	218.537.037.259	7.760.683,13	28.159,51	435,97
Kỳ Cuối/Tháng 8/2023	219.760.535.975	7.770.501,96	28.281,38	121,87
Kỳ 1/Tháng 9/2023	219.785.321.190	7.770.501,96	28.284,57	3,19
Kỳ 2/Tháng 9/2023	223.167.283.552	7.776.325,54	28.698,29	413,72
Kỳ 3/Tháng 9/2023	220.681.754.987	7.804.788,68	28.275,17	(423,12)
Kỳ 4/Tháng 9/2023	223.442.168.975	7.818.289,62	28.579,41	304,24
Kỳ 5/Tháng 9/2023	221.999.482.117	7.823.274,40	28.376,79	(202,62)
Kỳ 6/Tháng 9/2023	224.202.718.904	7.832.046,52	28.626,32	249,53
Kỳ 7/Tháng 9/2023	214.678.198.070	7.836.369,15	27.395,11	(1.231,21)
Kỳ 8/Tháng 9/2023	215.266.336.488	7.843.693,21	27.444,51	49,40
Kỳ Cuối/Tháng 9/2023	214.998.135.970	7.854.277,01	27.373,38	(71,13)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/1 đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/1 đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1/Tháng 10/2023	215.126.768.587	7.854.277,01	27.389,76	16,38
Kỳ 2/Tháng 10/2023	212.460.177.562	7.872.085,12	26.989,05	(400,71)
Kỳ 3/Tháng 10/2023	215.510.021.504	7.879.748,56	27.349,86	360,81
Kỳ 4/Tháng 10/2023	218.073.734.638	7.888.614,80	27.644,10	294,24
Kỳ 5/Tháng 10/2023	216.633.015.036	7.890.524,59	27.454,83	(189,27)
Kỳ 6/Tháng 10/2023	210.883.677.271	7.896.267,18	26.706,75	(748,08)
Kỳ 7/Tháng 10/2023	210.010.752.682	7.889.320,75	26.619,62	(87,13)
Kỳ 8/Tháng 10/2023	211.272.782.955	7.903.517,42	26.731,48	111,86
Kỳ 9/Tháng 10/2023	203.710.817.617	7.913.159,17	25.743,29	(988,19)
Kỳ Cuối/Tháng 10/2023	200.407.151.288	7.917.273,22	25.312,64	(430,65)
Kỳ 1/Tháng 11/2023	201.813.231.148	7.917.273,22	25.490,24	177,60
Kỳ 2/Tháng 11/2023	209.913.817.627	7.938.526,62	26.442,41	952,17
Kỳ 3/Tháng 11/2023	213.919.199.798	7.950.967,73	26.904,80	462,39
Kỳ 4/Tháng 11/2023	213.566.500.895	7.981.239,61	26.758,56	(146,24)
Kỳ 5/Tháng 11/2023	215.751.567.345	7.979.503,41	27.038,21	279,65
Kỳ 6/Tháng 11/2023	213.658.684.108	7.985.861,25	26.754,62	(283,59)
Kỳ 7/Tháng 11/2023	215.436.952.762	7.988.803,42	26.967,36	212,74
Kỳ 8/Tháng 11/2023	211.344.956.558	7.984.471,08	26.469,49	(497,87)
Kỳ 9/Tháng 11/2023	213.886.612.837	7.987.305,27	26.778,31	308,82
Kỳ Cuối/Tháng 11/2023	212.261.686.488	7.969.013,87	26.635,87	(142,44)
Kỳ 1/Tháng 12/2023	215.607.468.226	7.969.013,87	27.055,72	419,85
Kỳ 2/Tháng 12/2023	216.206.343.604	7.964.018,79	27.147,89	92,17
Kỳ 3/Tháng 12/2023	216.348.694.779	7.968.840,74	27.149,33	1,44
Kỳ 4/Tháng 12/2023	215.076.613.935	7.969.092,21	26.988,84	(160,49)
Kỳ 5/Tháng 12/2023	212.473.511.053	7.979.179,67	26.628,49	(360,35)
Kỳ 6/Tháng 12/2023	215.011.941.403	7.984.233,13	26.929,56	301,07
Kỳ 7/Tháng 12/2023	218.468.044.852	7.985.567,78	27.357,85	428,29
Kỳ 8/Tháng 12/2023	219.603.557.344	7.992.819,52	27.475,10	117,25
Kỳ Cuối/Tháng 12/2023	221.145.924.718	8.008.161,29	27.615,06	139,96
Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	210.844.044.309			(1.231,21)
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất				(0,79)
Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất				

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

19. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	<i>Số cuối năm (chứng chỉ quỹ)</i>	<i>Số đầu năm (chứng chỉ quỹ)</i>
Đến một năm	11.480.672,49	8.008.161,29

20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	<i>Năm nay (%)</i>	<i>Năm trước (%)</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động	1,96	2,12
Tốc độ vòng quay danh mục	19,83	11,87

20.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

20.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

21.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đầu tư sẽ biến động do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi về cung, cầu của tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng trực tiếp tới giá trái phiếu.

Ảnh hưởng: Lãi suất tăng sẽ làm giá trái phiếu có lãi suất cố định giảm trên thị trường thứ cấp để lợi suất thực tế của trái phiếu tăng bằng với lãi suất thị trường. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, lãi suất tăng còn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của tổ chức phát hành, đặc biệt các tổ chức sử dụng đòn bẩy cao. Theo đó, mức rủi ro của tổ chức phát hành có thể tăng lên và đẩy lợi tức trái phiếu do doanh nghiệp đó phát hành tăng theo, làm suy giảm giá trái phiếu của doanh nghiệp đó.

Phương pháp quản trị rủi ro: Quỹ giảm thiểu rủi ro lãi suất bằng cách giữ kỳ hạn của trái phiếu phù hợp với các kỳ vọng về lãi suất. Cụ thể là Quỹ sẽ nắm giữ trái phiếu có lãi suất cố định với kỳ hạn ngắn hơn và nhiều trái phiếu có lãi suất thả nổi hơn khi lãi suất được dự báo tăng và ngược lại khi lãi suất được dự báo giảm. Đòn bẩy của các công ty Quỹ đầu tư vào và ảnh hưởng tiềm tàng của rủi ro lãi suất đến các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được theo dõi thường xuyên.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VNĐ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quỹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Quỹ là 302.969.860.564 VNĐ. Nếu giá trị thị trường của các chứng khoán này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 30.296.986.056 VNĐ, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các chứng khoán này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 30.296.986.056 VNĐ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

21.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc đầu tư một tỷ trọng đầu tư hợp lý vào các cổ phiếu có tính thanh khoản cao. Thanh khoản của một cổ phiếu được xem xét theo số ngày cần thiết để thanh toán toàn bộ số cổ phiếu quỹ nắm giữ với giả định giao dịch của quỹ chiếm 10% giao dịch của thị trường.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	60.186.025.243	60.186.025.243	6.606.265.359	6.606.265.359
Các khoản đầu tư thuần	320.936.715.724	320.936.715.724	213.920.775.789	213.920.775.789
- Cổ phiếu niêm yết	236.969.263.000	236.969.263.000	153.500.200.600	153.500.200.600
- Trái phiếu doanh nghiệp	83.967.452.724	83.967.452.724	60.420.575.189	60.420.575.189
Các khoản phải thu	3.104.394.661	3.104.394.661	1.658.597.000	1.658.597.000
	384.227.135.628	384.227.135.628	222.185.638.148	222.185.638.148
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	185.329.258	185.329.258	-	-
Chi phí phải trả	27.000.000	27.000.000	71.280.000	71.280.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	1.260.859.118	1.260.859.118	490.254.063	490.254.063
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	957.939.716	957.939.716	124.494.491	124.494.491
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	555.188.252	555.188.252	353.684.876	353.684.876
	2.986.316.344	2.986.316.344	1.039.713.430	1.039.713.430

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.4.*

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Giá dịch vụ quản lý quỹ	4.652.324.563	3.163.301.168
Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:		
	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải trả phí về mua lại chứng chỉ quỹ	185.329.258	-
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	474.228.252	276.024.876
	659.557.510	276.024.876

b) Thủ lao Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Thù lao cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000
Số dư tại thời điểm cuối kỳ như sau:		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VNĐ
Phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ	27.000.000	-

300%
C.C
CH.N
NST
VIỆ
-TP.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng đơn vị quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Chủ sở hữu chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.500.000,00	21,78	2.500.000,00	31,22
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	1.334.027,88	11,62	1.334.027,88	16,66
Bên liên quan khác		99.009,29	0,86	156.297,44	1,95
		3.933.037,17	34,26	3.990.325,32	49,83

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

23.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 16.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lưu ký là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ. Theo đó, từ sau ngày 1 tháng 7 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 1 năm 2023, thì giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 11.000.000 đồng một tháng; từ ngày 1 tháng 2 năm 2023, giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, với mức tối thiểu là 31.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 đồng một năm, tương đương với 3.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Ngoài ra, Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong năm như sau:

	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Giá dịch vụ quản trị quỹ	448.800.000	426.800.000
Giá dịch vụ giám sát	211.200.000	211.200.000
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	132.000.000	132.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	25.300.000	15.950.000
Lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	17.355.854	2.254.312
Phí ngân hàng	3.874.028	3.327.500

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Tiền gửi thanh toán	41.030.724.838	2.592.128.373
Phải trả dịch vụ giám sát	17.600.000	17.600.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	37.400.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	11.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	3.960.000	660.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B06-QM

24. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Bà Lê Văn
Trưởng phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục



Bà Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Hằng
Người lập biểu

Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

